

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày 10-8-2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng,
hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ
tín dụng, hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga và bà Nguyễn Thị Thùy Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V). Địa chỉ: số xx L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Quang M, ông Đoàn Văn H và ông Nguyễn Minh Q - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Văn bản ủy quyền số: 1576/2022/UQ-VPB ngày 01 tháng 8 năm 2022*). Vắng mặt ông M, có mặt ông H và ông Q.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tr (*Được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tr từ ngày 03/6/2022; gọi tắt là Công ty Tr*); địa chỉ: số xx Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn Ph - Chức vụ: Giám đốc công ty; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Lô xx Đ, phường H, thành P, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3.2. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1989; địa chỉ khi ký kết hợp đồng: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ khi Tòa án thụ lý giải quyết: xx N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

V - Chi nhánh T và Công ty Tr đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/05/2019. Cụ thể:

1. Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/08/2018. Hạn mức sử dụng thẻ: 100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ: Phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ. Thời hạn Hạn mức thẻ tín dụng thẻ: 12 tháng. Lãi suất quá hạn: Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (*sau khi đã trừ đi trị giá thanh toán tối thiểu*) vẫn được tính theo mức lãi cho vay trong hạn đang áp dụng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/5/2019. Hạn mức cho vay mỗi hợp đồng là: 3.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thanh toán tiền hàng cho đối tác. Thời hạn duy trừ hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên Vay và bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay

trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.1. Thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018, V - Chi nhánh T đã giải ngân cho Công ty Tr theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số: 061218-533115-01-SME ngày 06/12/2018: Số tiền nhận nợ: 490,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 06/12/2018 đến ngày 06/12/2019. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18,7%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/01/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,8%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 271218-533115-01-SME ngày 27/12/2018: Số tiền nhận nợ: 455,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/12/2019. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18,7%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/01/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,8%/năm.

2.2. Thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/5/2019. V - Chi nhánh T đã giải ngân cho Công ty Tr theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số: 280519-533115-01-SME ngày 28/05/2019: Số tiền nhận nợ: 1,850,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 28/05/2019 đến ngày 28/05/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 19.7%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28/06/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12.1%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 180619-533115-01-SME ngày 18/06/2019: Số tiền nhận nợ: 420,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 18/06/2019 đến ngày 18/06/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.2%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/07/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.6%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 300719-533115-01-SME ngày 30/07/2019: Số tiền nhận nợ: 460,000,000 đồng. Thời hạn vay: 11 tháng, từ ngày 30/07/2019 đến ngày 30/06/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm

giải ngân là: 18.6%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/08/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.6%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 260819-533115-01-SME ngày 26/08/2019: Số tiền nhận nợ: 300,000,000 đồng. Thời hạn vay: 10 tháng, từ ngày 26/08/2019 đến ngày 26/06/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.6%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/09/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.6%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 110919-533115-01-SME ngày 11/09/2019: Số tiền nhận nợ: 160,000,000 đồng. Thời hạn vay: 09 tháng, từ ngày 11/09/2019 đến ngày 11/06/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.6%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/10/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.6%/năm

Tổng số tiền V - Chi nhánh T đã giải ngân là 4,135,000,000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của công ty Tr, ông Lê Văn Tr và ông Mai Văn Ph đã ký kết với V - Chi nhánh T các hợp đồng bảo lãnh. Cụ thể: Hợp đồng bảo lãnh số 081801/HĐBL/V-TLG ngày 20/08/2018; số 081802/HĐBL/PBANK-TLG ngày 20/08/2018; số 130519 01/HĐBL/V-TLG ngày 28/05/2019 và số 130519-02/HĐBL/V-TLG ngày 28/05/2019. Theo hợp đồng bảo lãnh, bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Tr trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 245-C-071077 ngày 21/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/05/2019; bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 16/11/2019. V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 04/03/2020, Công ty Tr còn nợ V số tiền: Nợ thẻ tín dụng gốc 66.673.258 đồng, lãi 13.826.742 đồng, cộng = 80.500.000 đồng; tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng là 2.192.250.000 đồng; nợ lãi và phạt chậm trả: 175.339.910 đồng. Tổng cộng: 2.448.089.910 đồng.

V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Tr phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng nêu trên;

- Trong trường hợp Công ty Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, đề nghị Tòa án buộc ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Tr toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty Tr thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Trong trường hợp Công ty Tr, ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Tr, ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr để thu hồi khoản nợ vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa vào 14 giờ 00 phút ngày 17/6/2022; ngày 17/6/2022 ông Mai Văn Ph đã có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 15/7/2022 và hồi 08 giờ 00 phút ngày 10/8/2022, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện V trình bày: Tính đến ngày 10/8/2022, Công ty Tr còn nợ V số tiền: Tổng nợ gốc 2.258.923.258 đồng, lãi trong hạn 144.274.695 đồng, lãi quá hạn 1.704.369.106 đồng. Tổng cộng 4.107.567.059 đồng. Đại diện V thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty Tr phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng nêu trên tính đến ngày 10/8/2022 là 4.107.567.059 đồng. Đề nghị công ty Tr tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong. Về tiền tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan, V không yêu cầu. Trong trường hợp Công ty Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, đề nghị Tòa án buộc ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Tr toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/05/2019; tính đến ngày 10/8/2022 là 4.107.567.059 đồng. Trong đó: nợ gốc 2.258.923.258 đồng; lãi suất trong hạn 144.274.695 đồng, lãi suất quá hạn 1.704.369.106 đồng. Kể từ ngày 11/8/2022, công ty Tr phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Trường hợp công ty Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền mà công ty Tr còn nợ. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Việc thay đổi không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

[2] V - Chi nhánh T và Công ty Tr đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/05/2019. Nội dung của các Hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Các hợp đồng có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, V - Chi nhánh T đã nhiều lần giải ngân cho công ty Tr, theo các Khế ước nhận nợ của Công ty Tr.

[3] Sau khi vay tiền, công ty Tr đã trả được một phần số tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Sau đó, công ty Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào các khế ước nhận nợ, bảng kê tính lãi, bảng tổng hợp dư nợ về các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Tính đến ngày 10/8/2022, Công ty Tr còn nợ V số tiền: Nợ thẻ tín dụng tiền gốc 66.673.258 đồng, lãi quá hạn 101.909.246 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 06/12/2018, nợ gốc 40.650.884 đồng, lãi trong hạn 884.054 đồng, lãi quá hạn 32.233.293 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 27/12/2018, nợ gốc 75.800.000 đồng, lãi trong hạn 1.835.072 đồng, lãi quá hạn 59.252.117 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 28/5/2019, nợ gốc 1.079.150.000 đồng, lãi trong hạn 71.916.370 đồng, lãi quá hạn 866.719.265 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 18/6/2019, nợ gốc 280.000.000 đồng, lãi trong hạn 19.541.508 đồng, lãi quá hạn 145.549.560 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 30/7/2019, nợ gốc 334.450.000 đồng, lãi trong hạn 23.545.483 đồng, lãi quá hạn 233.367.900 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 26/8/2019, nợ gốc 240.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.751.834 đồng, lãi quá hạn 166.422.314 đồng. Theo khế ước nhận nợ ngày 11/9/2019, nợ gốc 142.200.000 đồng, lãi trong hạn 9.800.374 đồng, lãi quá hạn 98.915.411 đồng. Tổng nợ gốc 2.258.923.258 đồng, tổng lãi trong hạn 144.274.695 đồng, tổng lãi quá hạn 1.704.369.106 đồng. Tổng cộng 4.107.567.059 đồng. Công ty Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu công ty Tr phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn theo Hợp đồng nêu trên là có căn cứ. Tòa án buộc Công ty Tr phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2022 là 4.107.567.059 đồng. Kể từ ngày 11/8/2022, Công ty Tr còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[4] Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên của Công ty Tr, V - Chi nhánh T với ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr đã ký kết các Hợp đồng bảo lãnh số 081801/HĐBL/V-TLG ngày 20/08/2018; số 081802/HĐBL/PBANK-TLG ngày 20/08/2018; số 130519 01/HĐBL/V-TLG ngày 28/05/2019 và số 130519-02/HĐBL/V-TLG ngày 28/05/2019. Theo các hợp đồng bảo lãnh, nếu Công ty Tr không thanh toán, thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì ông Mai Văn Ph và Lê Văn Tr có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Tr. Xét hợp đồng bảo lãnh đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực thi hành. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Mai Văn Ph và Lê Văn Tr có trách nhiệm trả nợ thay cho công ty Tr là có căn cứ. Trong vụ án này, ông Ph và ông Tr cùng bảo lãnh cho một nghĩa vụ của công ty Tr nên ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ liên đới thực hiện việc bảo lãnh theo quy định tại Điều 288 và Điều 338 của Bộ luật Dân sự. Việc ông Ph và ông Tr phải thực hiện

nghĩa vụ liên đới nhưng không có thỏa thuận về nghĩa vụ chia theo phần nên Tòa án buộc ông Ph và ông Tr có nghĩa vụ ngang nhau.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty Tr có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 288, 335, 336, 338, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/08/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 140818-533115-01-SME ngày 20/08/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 130519-533115-01-SME ngày 28/05/2019 tính đến ngày 10/8/2022 là 4.107.567.059 đồng. Trong đó: nợ gốc 2.258.923.258 đồng; lãi suất trong hạn 144.274.695 đồng, lãi suất quá hạn 1.704.369.106 đồng.

Kể từ ngày 11/8/2022, công ty Tr phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng nêu trên.

3. Trường hợp công ty Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản trên nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền mà công ty Tr còn nợ theo các hợp đồng nêu trên; chia theo phần, ông Mai Văn Ph và ông Lê Văn Tr mỗi người có nghĩa vụ trả nợ 50%.

4. Về án phí: Công ty Tr phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.107.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.480.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/ 0002834 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn